

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày 21-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự.

Bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quang Toàn, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Đinh Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lưu C, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1988 tại thành phố N, tỉnh N.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 2, phường S, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Công tác viên Báo Nông nghiệp Việt Nam; trình độ V hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu C T, sinh năm 1962 và bà Đinh T H, sinh năm 1965; vợ: Lục T H, sinh năm 1991 (đã ly hôn năm 2021) và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn H, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1988 tại thành phố C, tỉnh C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 8, phường H, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Phóng viên; trình độ V hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q, sinh năm 1960 và bà Đinh T T, sinh năm 1964; vợ: Hoàng T H, sinh năm 1993

và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh C; có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Q V, sinh ngày 04 tháng 5 năm 1993 tại Chương M, H.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cả, T Đ, Chương M, H; tạm trú: Tổ 3, phường N X, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Phóng viên Báo Pháp luật; trình độ V hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q K, sinh năm 1964 và bà Nguyễn T D, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh C; có mặt.

- *Người bào chữa:*

+ *Người bào chữa cho các bị cáo Lưu C, Nguyễn Q V:* Ông Lưu T, ông Nhâm M - Luật sư, Công ty Luật TNHH Hoàng A, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

+ *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn H:* Ông Hoàng M – Luật sư, V phòng Luật sư H Việt Nam; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Phạm H, sinh năm 1972. Có mặt

2. Hoàng T, sinh năm 1982. Vắng mặt; Ủy quyền cho ông Phạm H tham gia phiên tòa.

Cùng trú tại: Nà Roác 2, B, H, C.

- *Người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Q, sinh năm 1960. Trú tại: Số nhà 053 Vườn Cam, tổ 8, phường H, thành phố C, tỉnh C; có mặt.

2. Hoàng T H, sinh năm 1993. Trú tại: Tổ 8, phường H, thành phố C, tỉnh C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 40 phút ngày 27/7/2022, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh C phát hiện và bắt quả tang 03 đối tượng về hành vi cưỡng đoạt tài sản, tại tổ 5, phường S, thành phố C, gồm: Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V và tiến hành tạm giữ một số đồ vật, tài liệu gồm:

Tiền Việt Nam đồng: 89.900.000đ (tám mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), phát hiện và tạm giữ tại ngăn để đồ của cánh cửa xe ô tô bên ghế phụ.

01 c ô tô nhãn hiệu Tucson, màu đen, biển kiểm soát: 11A - 065.67.

01 thẻ Hội viên hội nhà báo Việt Nam, số TP 26979 mang tên Lưu C, phát hiện trong ví da của C đang sử dụng.

01 thẻ Hội viên hội nhà báo Việt Nam, số 08271 mang tên Nguyễn H, phát hiện trong túi da để trên xe ô tô của H.

Nhiều đồ vật, tài sản khác của C, H và V nghi liên quan đến vụ việc phạm tội.

Trong hai ngày 27, 28/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành khám xét nơi ở và nơi làm việc của Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V. Qua việc khám xét Cơ quan điều tra đã tạm giữ nhiều đồ vật tài liệu và niêm phong lại theo quy định để phục vụ công tác điều tra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành điều tra xác định được như sau:

Lưu C là Cộng tác viên Báo Nông nghiệp Việt Nam, Nguyễn H là Phóng viên Báo Tài nguyên và môi trường, Nguyễn Q V là Phóng viên Báo Pháp luật Việt Nam thường trú tại C. Cả ba đều là người hoạt động trong lĩnh vực báo chí có trách nhiệm thu thập thông tin tuyên truyền, cổ vũ chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phản ánh những hoạt động có vi phạm trong từng lĩnh vực được phân công phụ trách trên địa bàn tỉnh C. Sau đó viết bài gửi về Tòa soạn và được Ban biên tập xem xét để đăng lên Báo nơi mỗi người đang công tác.

Khoảng tháng 10/2021, C, H và V trong quá trình tác nghiệp thì phát hiện tại xóm Nà Roác, xã B, huyện H, tỉnh C có một bãi san gạt đất đang hoạt động, vị trí ngay gần đường quốc lộ 3 nên đã liên hệ rồi đi đến ủy ban nhân dân xã B để tìm hiểu sự việc thì được biết bãi đất trên là của ông Phạm H (trú tại xóm Nà Roác, xã B, huyện H, tỉnh C), việc san gạt đất chưa đủ giấy tờ, thủ tục theo quy định. Sau đó C, H và V đi về mà không tiến hành thu thập các thông tin và viết bài phản ánh theo trách nhiệm, nhiệm vụ được phân công. Khi biết thông tin các nhà báo đến tìm hiểu sự việc, ô H đã chủ động liên hệ với C, H và V thông qua việc gọi điện thoại cho C để xin được gặp gỡ trao đổi về việc xin C, H và V không đến làm việc với chính quyền cũng như không đăng bài việc san gạt đất của ô H. về phía C, H và V đã bàn bạc trao đổi thống nhất với nhau sẽ gây sức ép buộc ô H phải đưa tiền cho cả ba nếu không sẽ viết bài phản ánh việc làm của ô H lên các báo mà mình công tác. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến ngày 27/7/2022 C, H và V đã chiếm đoạt tiền của ô H nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 10/2021, tại quán cà phê Trúc thuộc tổ 5, phường S, thành phố C, tỉnh C. C, H và V gặp ô H, trong cuộc nói chuyện có nói nội dung việc ô H san gạt đất không đủ giấy tờ, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nếu ô H muốn tiếp tục hoạt động san gạt thì phải hỗ trợ tiền cho C, H, V, nếu không sẽ thông tin lên chính quyền địa phương và đăng báo. ô H cũng thừa nhận việc san gạt đất của mình chưa đủ giấy tờ theo quy định, xin nhờ C, H, V giúp đỡ việc không báo đến chính quyền địa phương và không viết bài đăng báo chí, ô H có để một phong bì bên trong có số tiền 10.000.000đ

(mười triệu đồng) đặt trên bàn uống nước. C, H, V đồng ý nhận số tiền nêu trên và sau đó chia đều nhau mỗi người 3.000.000đ (ba triệu đồng), còn 1.000.000đ để mua xăng xe đi lại.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 11/2021, trên đường đi đến xã B thì C, H, V, thấy có máy xúc đang san gạt đồi ngay cạnh đường và có tìm hiểu thì được biết khu đất này cũng là của ô H. Sau đó, cán bộ UBND xã B có đến nhắc nhở ô H. Vì vậy, ô H có gọi điện cho C, sau đó C một mình đi xe máy đến nhà ô H và ô H xin C, H, V đừng tác động đến việc này, để ô H san gạt nốt chỗ đất nêu trên, ô H có đưa tiền cho C số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Sau đó, C có nói việc ô H đưa C số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho H và V biết rồi chia nhau mỗi người 1.500.000đ, số còn lại để ăn uống chung.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 12/2021, ô H có san gạt mức đất san lấp mặt bằng, sau đó bị UBND xã B, H đến yêu cầu đình chỉ dừng hoạt động, thì ô H có gọi điện thoại cho C để xin là không tác động chính quyền địa phương nữa để ô H san gạt cho xong. Ngày 24/12/2021, vợ ô H có chuyển khoản cho C số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), số tiền này, C, H, V chia nhau mỗi người 1,5 triệu đồng, số còn lại để ăn uống chung của ba người.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 01/2022, ô H tiếp tục san gạt đất cách nhà khoảng 700 mét thì có C, H, V cùng nhau đi xe ô tô Toyota Vios biển kiểm soát: 30F - 657.34 đến dừng ở ngoài bờ đường bãi san gạt đất, ô H nhìn thấy C, H, V cầm điện thoại trên tay nhưng không rõ có chụp ảnh hay không thì ô H có ra mời C, H, V về nhà uống nước, nói chuyện, ô H có nói việc san gạt gò đất lấy mặt bằng để xây tường rào bao quanh và có xin C, H, V đừng đến xã và đừng đăng bài lên báo chí, ô H có đưa một phong bì bên trong có số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho C, H, V. Khi đưa tiền thì C là người nhận tiền, có H, V cùng biết.

Lần thứ năm: Khoảng tháng 4/2022, H và V đi xe ô tô đến bãi san gạt đất của ô H nhưng không gặp ô H. Sau đó, H, V có hẹn ô H đến quán cà phê Trúc để nói chuyện. Tại đây, trong lúc nói chuyện vợ chồng ô H có xin H, V không viết bài về việc san gạt đất của ô H lên báo chí vì việc san gạt đất của ô H chưa có đủ giấy tờ theo quy định. Vợ chồng ô H có đưa ra một phong bì bên trong có 10.000.000đ (mười triệu đồng) đưa cho V thì V gạt phong bì đó ra làm cốc nước ở trên bàn cùng phong bì rơi xuống đất và lớn tiếng với ô H. Ô H xin và đưa phong bì cho H, V nhưng H, V không nhận mà tiếp tục đe dọa việc sẽ viết bài về những vi phạm của ô H trong việc san gạt đất lên báo, nên hai vợ chồng ô H đi về.

Sau đó, ô H có liên lạc với C nhờ C nói giúp với H và V. Sau khi bàn bạc, H, V thống nhất yêu cầu ô H đưa số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) hẹn ô H đưa tiền ở gần cổng Bảo hiểm tỉnh C tại Km5, phường Đề Thám, thành phố C. Tại đây, H một mình đi xe ô tô biển kiểm soát: 11A - 065.67 đến, ô H lên xe ô tô của H đưa cho H 02 phong bì, mỗi phong bì bên trong có số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ô H để tiền ở ngăn để đồ gần cần gạt số xe của H, số tiền này, H, V chia nhau mỗi người 20.000.000đ

(hai mươi triệu đồng), C có tham gia trao đổi với H, V về số tiền yêu cầu ô H phải đáp ứng nhưng không được chia tiền.

Lần thứ sáu: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27/7/2022, C thông báo cho cả nhóm biết là ô H hẹn gặp rồi ba người cùng nhau đến quán cà phê Trúc. Khi đến quán thì có ô H và vợ của ô H tên là Hoàng T đang ngồi đợi ở trong quán, mọi người ngồi nói chuyện với nhau được khoảng 30 phút thì nói đến việc san gạt đất và ô H xin C, H, V không thông báo đến chính quyền địa phương và không đăng báo chí về việc san gạt đất, ô H cho biết là đã chuẩn bị tiền nhưng không đủ như số tiền đã thỏa thuận. Vì trước đó, C, H, V đã yêu cầu ô H phải đưa tiền cho mỗi người số tiền là 30 triệu đồng, tổng là 90 triệu đồng nếu không sẽ tố cáo đến chính quyền địa phương và đăng báo chí phản ánh việc vi phạm san gạt đất của ô H. Sau khi nói chuyện tại quán cà phê xong, H và V đi ra xe ô tô trước, C ra sau để nói thêm với ô H. H lên lái xe, V ngồi ghế phụ xe thì bà Hoàng T cầm tiền đưa cho như đã thỏa thuận trước đó, đưa số tiền 89.900.000đ (tám mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) để vào cánh cửa bên ghế phụ xe ô tô cạnh chỗ V đang ngồi. Sau đó, cả 3 người đi xe ô tô ra khỏi quán, đi được khoảng 500m thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh C bắt quả tang.

Như vậy tổng số tiền Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V đã chiếm đoạt của ô H là 159.900.000đ (một trăm năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại của Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V phát hiện trong điện thoại của cả ba có những cuộc nói chuyện bằng tin nhắn bàn bạc và cùng thống nhất cách thức và số tiền mà cả ba chiếm đoạt của ô H.

Đối với các vật chứng, đồ vật Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị can xác định có liên quan đến vụ án, do đó cần tiếp tục tạm giữ để phục vụ việc truy tố, xét xử và thi hành án. Đối với đồ vật, tài liệu sau khi xác định không liên quan đến vụ án đã trả lại cho chủ sở hữu.

Hành vi của các bị cáo Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại Cáo trạng số 114/CT- VKSCB-P2 ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C đã truy tố các bị can Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Bị hại Phạm H khai: Các bị cáo lợi dụng việc gia đình ông san gạt đất khi chưa được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền đã nhiều lần dọa nạt, ép buộc gia đình ông đưa tiền để không viết bài đăng báo. Tổng số tiền 06 lần các bị cáo chiếm đoạt của gia đình ông là 159.900.000đ. Sau khi sự việc bị phát hiện, các

bị cáo đã tự nguyện trả tiền cho tôi cụ thể: Bị cáo Lưu C 10.000.000đ, bị cáo Nguyễn Quang V là 30.000.000đ, bị cáo Nguyễn H đã nộp tiền tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh C 25.000.000đ; các bị cáo cũng đã biết lỗi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt các bị cáo mức thấp nhất có thể theo quy định của pháp luật, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Q trình bày: Ông là bố của Nguyễn H, chiếc xe H đi sau đó bị tạm giữ là phương tiện của gia đình, đứng tên ông. Khi H thực hiện hành vi phạm tội ông không được biết, ông đã được trả lại xe, không có đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng T H trình bày: Chị là vợ của Nguyễn H, khi cơ quan Công an khám xét nhà chị đã thu giữ 42.500.000 đồng trong két sắt trong phòng của chị. Số tiền này là tiền của cơ quan chị, để bảo quản chị đã mang về nhà và đựng trong két sắt. Chị đã được trả lại số tiền này, không có đề nghị gì.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lưu C, Nguyễn Q V, Nguyễn H mỗi bị cáo từ 36 tháng đến 42 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiền, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách nhà nước vật chứng là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Người bào chữa cho các bị cáo Lưu C, Nguyễn Q V: Ông Lưu T, ông Nhâm M trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo C và bị cáo V đã tác động với gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Hòa và gia đình, được anh Hòa ghi nhận và tại phiên tòa bị hại Phạm H cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo mức thấp nhất có thể theo quy định của pháp luật. Quá trình công tác bị cáo Lưu C được giấy chứng nhận đạt giải nhiều cuộc thi; Nguyễn Q V có thành tích được tặng nhiều giấy khen, Giấy chứng nhận giải tác phẩm, cuộc thi. Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 khoản 2

Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức Viện kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn H, ông Hoàng M trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí với kết luận của Viện kiểm sát, sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, bị cáo đã tác động với gia đình đến gặp thỏa thuận trả tiền cho bị hại, tuy nhiên bị hại không chấp nhận. Sau đó vợ bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh C 25.000.000đ để khắc phục hậu quả và tại phiên tòa bị hại Phạm H cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất có thể theo quy định của pháp luật. Quá trình công tác bị cáo Nguyễn H có thành tích được tặng giấy khen; bố của bị cáo được tặng nhiều Bằng khen. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn H dưới mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của các luật sư, không có ý kiến gì thêm.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã nhận ra lỗi lầm của mình, xin lỗi bị hại và đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V; bị hại Phạm H không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V hoàn toàn phù hợp với các Bản tự khai, Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung về quá trình thực hiện hành vi phạm tội cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận: Khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến ngày 27/7/2022, sau khi phát hiện gia đình ông Phạm H san gạt đất chưa có đủ giấy tờ, thủ tục theo quy định thì Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V lợi dụng công tác chuyên môn của Phóng viên, Cộng tác viên đang làm trong ngành báo chí đã có những hành vi dọa sẽ tố cáo chính quyền địa phương và đăng báo phản ánh vi phạm của ô H để chiếm đoạt tiền của ô H. Cụ thể đã lấy 06 (sáu) lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 159.900.000đ (một trăm năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), cả ba bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt nêu trên.

Hành vi cưỡng đoạt tài sản của Lưu C, Nguyễn Q V, Nguyễn H đã xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền sở hữu về tài sản của người khác. Khi thực

hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, thủ đoạn uy hiếp tinh thần nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản của bị hại Phạm H. Hành vi đó của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, đều công tác trong lĩnh vực báo chí, quá trình công tác được tặng giấy khen.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Cả 03 bị cáo đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này các bị cáo đều làm nghề Phóng viên, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật, xã hội. Phạm tội cưỡng đoạt với số tiền 159.900.000đ, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng cũng có tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên (sáu lần), các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực như nhau. Vậy cần phải xem xét đầy đủ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng hình phạt phù hợp cho bị các bị cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên về mức hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Lời bào chữa của các Luật sư về các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị xử lý vật chứng phù hợp với pháp luật cần được chấp nhận. Những tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng không có căn cứ pháp luật sẽ không được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều có thu nhập thấp, không ổn định, do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải liên đới trả lại số tiền 159.900.000đ đã chiếm đoạt của bị hại, trong đó lần cuối cùng chiếm đoạt 89.900.000đ số tiền này hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh C sẽ được đối trừ khi thi hành án. Các bị cáo còn phải liên đới bồi thường cho bị hại Phạm H 70.000.000đ, cụ thể như sau:

Nguyễn H phải bồi thường cho bị hại Phạm H 30.000.000đ. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C số tiền 25.000.000đ. Bị cáo còn phải tiếp tục trả cho ông Phạm H 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Nguyễn Q V phải bồi thường cho bị hại Phạm H 30.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã tác động cho gia đình tự nguyện bồi thường cho ông Phạm H và gia đình đủ số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tại giấy biên nhận đề ngày 18/3/2023.

Lưu C phải bồi thường cho bị hại Phạm H 10.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã tác động cho gia đình tự nguyện bồi thường cho ông Phạm H và gia đình đủ số tiền 10.000.000đ, (mười triệu đồng) tại biên nhận tiền đề ngày 18/3/2023.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với những chiếc điện thoại các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội thì tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước; trả cho các bị cáo tiền, giấy tờ, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho chị Hoàng T H số tiền 42.450.000đ (bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho ông Nguyễn Q 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson màu đen, biển kiểm soát 11A – 065.67.

Trả lại 02 chiếc xe ô tô cho các bị cáo Lưu C, Nguyễn Q V.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lưu C, Nguyễn H, Nguyễn Q V phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu C 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/7/2022.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Q V 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/7/2022.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn H 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/7/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại Phạm H số tiền 159.900.000đ (một trăm năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng). Đối với số tiền 89.900.000đ tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh C sẽ được đối trừ khi

thi hành án. Các bị cáo còn phải liên đới bồi thường cho bị hại 70.000.000đ (bảy mươi triệu) cụ thể như sau:

Xác nhận: Bị cáo Nguyễn Q V đã bồi thường cho bị hại Phạm H 30.000.000đ (Ba mươi triệu); bị cáo Lưu C đã bồi thường cho bị hại Phạm H 10.000.000đ (mười triệu); bị cáo Nguyễn H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh C 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000661 ngày 08/8/2022, bị cáo còn phải tiếp tục trả cho ông Phạm H 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bị cáo chưa bồi thường được số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm bồi thường.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 phong bì niêm phong theo quy định mặt trước ghi điện thoại Iphone và Samsung của Lưu C. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

+ 01 phong bì niêm phong theo quy định mặt trước ghi 01 điện thoại Iphone của Nguyễn H. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

+ 01 phong bì niêm phong theo quy định mặt trước ghi 01 điện thoại Samsung của Nguyễn H. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

+ 01 phong bì niêm phong theo quy định mặt trước ghi 01 điện thoại Iphone của Nguyễn Q V. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

- Trả lại tiền, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội:

+ **Trả lại cho ông Nguyễn Q:** 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson màu đen mang biển kiểm soát: 11A – 065.67 tình trạng xe đã qua sử dụng.

Số khung: RLUT9W12BHN001242; số máy: G4FJHU316892.

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/12/2022.

+ **Trả lại cho chị Hoàng T H:** Tiền Việt Nam 42.450.000đ (bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Xác nhận 02 vật chứng nêu trên đã được trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Q, Hoàng T H tại hai Biên bản giao nhận tài sản và tiền ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

+ **Trả lại cho bị cáo Lưu C:**

- 01 căn cước công dân mang tên Lưu C.
- 01 thẻ ATM AGRIBANK mang tên Lưu C.
- 01 thẻ ATM BIDV mang tên Lưu C.
- 01 thẻ Hội viên Hội nhà báo Việt Nam mang tên Lưu C.
- 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Lưu C.
- 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Lưu C.
- 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lưu C Hiệp.
- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Apple Macbook pro đã qua sử dụng. Số seri: C02GGWT5DV13.

- 01 túi da màu nâu đã cũ, bên trong chứa 01 máy ảnh nhãn hiệu Cannon EOS Kis X7i, mã DS126431, máy đã qua sử dụng.

- 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi: 01 thẻ nhớ SD, nhãn hiệu Sandisk dung lượng 16 GB lắp ở máy ảnh của Lưu C; 01 USB nhãn hiệu Sandisk màu đỏ đen, dung lượng 8GB của Lưu C (phát hiện và thu giữ trên xe ô tô của Nguyễn Q V). Mặt sau có chữ ký của Lưu C.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla Altis màu đen mang biển kiểm soát: 11A – 070.44, tình trạng xe đã qua sử dụng.

Số khung: RL4BU3HE4M7528623; số máy: 2ZRX717659.

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/12/2022.

- Tiền Việt Nam: 4.500.000đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ **Trả lại cho Nguyễn H:**

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn H.
- 01 thẻ hội viên Hội nhà báo Việt Nam mang tên Nguyễn H.
- 01 thẻ ra vào tòa nhà báo tài nguyên và môi trường mang tên Nguyễn H.
- 01 thẻ ATM BIDV mang tên Nguyễn H.
- 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Nguyễn H.
- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell đã qua sử dụng, số Imei: 10866793250.
- 01 túi da màu đen bên trong chứa 01 máy Flycam đã qua sử dụng.

- 01 phong bì bên ngoài ghi “Kinh phí tuyên truyền” có đóng dấu của Công ty TNHH thương mại và xây dựng Bảo Ngọc, bên trong có chứa 30 tờ tiền mệnh giá 500.000 VND, tổng số tiền 15.000.000đ. Sau khi mở niêm phong số tiền trên đã được niêm phong lại.

- Số tiền Việt Nam đồng: 2.850.000đ, sau khi mở niêm phong số tiền trên đã được niêm phong lại.

+ Trả lại cho Nguyễn Q V:

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Sony vaio đã qua sử dụng. Mặt sau có ký hiệu SERVICE TAG C601 YSF6.

- 01 phong bì niêm phong ghi: 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu trắng bạc. Thu giữ tại túi da màu đen dạng túi du lịch khi khám xét tại nơi ở của Nguyễn Q V. Mặt sau có chữ ký của Nguyễn Q V.

- 01 phôi thẻ nhà báo.

- 01 thẻ nhà báo mang tên Nguyễn Quang Học.

- 01 giấy chứng nhận cán bộ, phóng viên của báo pháp luật Việt Nam mang tên Nguyễn Q V.

- 01 thẻ của chương trình camera giấu kín.

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Q V.

- 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Q V.

- 01 thẻ nhà báo mang tên Nguyễn Q V.

- 02 giấy chứng nhận của Báo Pháp luật Việt Nam mang tên Nguyễn Q V.

- 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Nguyễn Q V.

- 01 thẻ ATM Maritime bank mang tên Nguyễn Q V.

- 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu đỏ mang biển kiểm soát: 30F – 657.34 tình trạng xe đã qua sử dụng.

- 01 phong bì niêm phong bên trong có số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đã niêm phong.

- Số tiền 6.800.000đ (sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh C tại Biên bản giao nhận vật chứng số 34 ngày 28 tháng 11 năm 2022.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Lưu C, Nguyễn Q V phải chịu mỗi người 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự. Tổng số tiền án phí là 500.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần Bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh C;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Bị cáo, bị hại;
- NCQLNVLQ;
- NBC;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Sơn